TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tiều;

2. Ông Hoàng Văn Lợi;

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Thế Thư – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1994 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Q; chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18-10-2018; có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1993 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã N, huyện T, tỉnh T, tạm trú: Thôn P, xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Vũ Thị C; chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18-10-2018; có mặt.

3. Trần Văn C, tên gọi khác Nam, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1988 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Hà Thị C; có vợ là

Nguyễn Thị H, có 02 con sinh năm 2014; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị truy nã đã đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02-11-2018 đến ngày 05-11-2018 chuyển tạm giam; có mặt.

4. Chu Văn H, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1995 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Chu Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Thanh L (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị truy nã đã đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 10-01-2019 đến ngày 13-01-2019 chuyển tạm giam; có mặt.

5. Tô Thị H, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1976 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Tô Văn Đ (đã chết) và bà Tô Thị T; có chồng là Phạm Quang Q (đã chết), có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH M

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng

Đại điện theo ủy quyền: Ông Vũ Duy V, chức vụ: Đội trưởng đội bảo vệ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 12-10-2018, Nguyễn Văn D, Chu Văn H và Trần Văn C đi xe môtô hiệu Wave BKS 16K3-0830 của C đến bãi tập kết vật liệu của Công ty TNHH M mục đích trộm cắp tài sản nH chưa thực hiện được thì bị tổ công tác Công an huyện Cát Hải phối hợp với Đội bảo vệ của Công ty TNHH M phát hiện. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như sau:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2018, Nguyễn Văn D đi nhặt sắt vụn ở gần bãi tập kết vật liệu của Công ty TNHH M phát hiện trong bãi tập kết có nhiều cuộn dây cáp điện nên nảy sinh mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. D đã rủ một số đối tượng thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 05-10-2018 D rủ Nguyễn Văn H đi trộm cắp dây cáp điện, H đồng ý. Trước khi đi D đến nhà Trần Văn C ở thôn V, xã V mượn 01 chiếc kìm dài khoảng 40cm, 02 lưỡi cắt quặp vào nhau để dùng cắt dây

cáp. D và H đi bộ xuống bãi tập kết vật liệu của Công ty TNHH M được rào xung quanh bằng tôn kẽm, trong đó có một đoạn dưới chân rào hở, cách mặt đất khoảng gần 0,5m, cả hai chui vào bên trong và thấy có nhiêu cuộn dây cáp đồng nguyên kiện cuộn bằng gỗ được bọc giấy. D dùng kìm cắt 01 cuộn dây cáp điện không bọc giấy thành các đoạn dài khoảng 03 đến 04 m, được hơn 10 đoạn, cả hai kéo các đoạn dây cáp ra bên ngoài rào. D bảo H đứng đợi, D đến nhà Tô Thị H tại thôn Đ, xã Đ huyện Cát Hải- là người chuyên mua đồng nát, sắt vụn, D mượn xe kéo bằng sắt tự chế, sau đó H và D cho số dây cáp lên xe và kéo về nhà H. D gọi H khi đó đang ngủ trong nhà dậy, hai bên thỏa thuận mua bán số dây cáp trộm cắp được là 160kg với giá 11.000.000 đồng. D trả cho H 1.000.000 đồng tiền nợ từ trước, chia cho H 4.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng D ăn tiêu hết, chiếc kìm cắt dây cáp D cất giấu vào chậu cây cảnh nhà H.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 06-10-2018, D đến quán điện tử thì gặp Trần Văn C nên D rủ C đi trộm cắp dây cáp tại bãi vật liệu trên, C đồng ý. D chở C đi bằng xe môtô Wave BKS 16K3-0830 của C. Khi qua nhà Tô Thị H, D bảo C vào chậu cây cảnh nhà H lấy chiếc kìm để cắt dây cáp điện. Khi cả hai đi xe đến khu vực cống xã Đồng Bài thì gặp Chu Văn H đang đi soi chim, H biết C và D đi trộm cắp nên hỏi đi cùng. Sau đó cả ba đi đến bãi tập kết nguyên vật liệu của công ty TNHH M để trộm cắp dây cáp điện. H đứng ngoài canh gác, còn D và C chui vào bên trong, D dùng kìm cắt hết dây cáp điện tại 01 cuộn còn nguyên giấy bọc thành nhiều đoạn nhỏ, C kéo ra ngoài rào và cả hai kéo ra lề đường. D bảo C đến nhà Tô Thị H mượn xe kéo. D chở C và số dây cáp trên đến nhà H bán còn H đi bộ phía sau. C trực tiếp giao dịch với H, số dây cáp trên cân được 206kg và bán cho H 13.000.000 đồng. C chia cho mỗi người 4.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng cả 3 ăn tiêu hết, chiếc kìm D mang về nhà cất giấu.

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 07-10-2018, D gặp C tại quán điện tử tại xã Văn Phong, D hỏi C cho mượn xe máy nH không nói đi đâu. D đi một mình điều khiển xe và mang theo chiếc kìm trên đi xuống khu vực bãi tập kết của công ty TNHH M tiếp tục trộm cắp dây cáp điện. D gỡ hết dây cáp tại 03 cuộn còn nguyên giấy bọc và dùng kìm cắt ra nhiều đoạn, sau đó kéo ra ngoài bờ rào và kéo lên lề đường. D đến nhà H tự lấy xe kéo rồi cho dây cáp lên xe, phủ bạt lên trên và chở xuống nhà H bán, còn chiếc kìm D vất luôn gần khu vực đó. Đến khoảng 04 giờ ngày 08-10-2018 D đến nhà H để bán dây cáp, thấy số lượng nhiều nên H không mua, D hỏi để nhờ số dây cáp nhà H không đồng ý và đi vào nhà. D kéo toàn bộ số dây cáp đến cất giấu trong vườn của bà Tô Thị T (là mẹ của H) và đi xe đến khu vực sân vận động xã Đ thì gặp C và trả xe máy. Đến 13 giờ cùng ngày, D thuê xe ôtô tải của Trịnh Thành L trú tại thôn P, xã V, huyện C xuống chở số dây điện đó đi bán. D chuyển hết số dây cáp lên ôtô sau đó gọi điện thoại rủ C đi Hải Phòng chơi và hỏi vay 5.000.000 đồng. Khi xe đến cầu Tân Vũ – Lạch Huyện thì bị hỏng

nên D nhờ Lđi Hải Phòng bán dây cáp còn C và D quay về nhà. 15 giờ cùng ngày L về và nói với D bán số dây cáp điện được 31.000.000 đồng, D trả cho L 4.000.000 đồng tiền thuê xe, số tiền còn lại D ăn tiêu hết.

Tại phiên tòa, các bị cáo D, C, H và H đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Tô Thị H khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo khác: Khoảng 02, 03 giờ sáng ngày 05-10-2018, bị cáo đang ngủ trong nhà thì nghe thấy D hỏi mượn xe kéo nói để đi chở hàng. Khoảng 03 giờ cùng ngày, D cùng 01 thanh niên không biết tên kéo xe chở dây cáp điện đã cắt từng đoạn còn nguyên vỏ bọc màu đen đến hỏi bán cho H. H đồng ý mua với giá 70.000 đồng/kg và cân được 160kg, H trả cho D 11.000.000 đồng và lấy lại 1.000.000 đồng D nợ. H cất giấu số dây điện vào kho phía sau nhà.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 06-10-2018, H đang ngủ trong nhà có tiếng gọi cô H ơi cháu mượn xe kéo. Đến khoảng 3 giờ sáng cùng ngày, C đi cùng với D và H kéo xe chở số dây cáp điện đã bị cắt từng đoạn còn vỏ bọc màu đen đến gọi H để bán. C là người trực tiếp giao dịch, cân số dây cáp điện được 206kg và H trả 13.000.000 đồng. Đến 8 giờ ngày 11-10-2018 H đã bán số dây cáp này cho cho Phạm Thị L tại K, Hải Phòng. Do số dây cáp chưa tách đồng nên chị L ứng cho H 10.000.000 đồng và chở luôn về Hải Phòng.

Khoảng 04 giờ ngày 08-10-2018, D chở đầy dây cáp điện giống hai lần trước đến bán cho H nH do thấy số lượng lớn H không mua. D hỏi để nhờ số dây cáp điện tại vườn nH H không đồng ý, sau đó D để đâu và sử dụng số dây cáp điện như thế nào H cũng không biết.

Trong hai lần mua dây cáp của D cùng đồng phạm, H biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nH bị cáo H vẫn mua nhằm mục đích bán hưởng lợi. Đối với việc mượn xe kéo, đây là xe tự chế dùng để chở vật dụng hàng ngày, không có giá trị nên ai hỏi bị cáo H cũng cho mượn. Khi D và các bị cáo mượn xe đều không nói mượn xe với mục đích gì và bị cáo cũng không hỏi.

Tại cơ quan điều tra, đại diện của bị hại khai nhận: Vào ngày 10-10-2018, Công ty TNHH M phát hiện mất số tài sản là 470m dây cáp điện loại (3 x35+2x16) để ở bãi tập kết vật tư máy móc của công ty thuộc thôn C, xã Đ, huyện Cát Hải, Hải Phòng. Số tài sản trên là các cuộn dây cáp điện phục vụ cho việc thi công dự án Cáp treo Cát Hải – Phù Long. Đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 470m dây cáp nói trên với giá trị là: 411.252.000 đồng.

Kết luận về giá của tài sản tố tụng hình sự số 13/KL-HDĐG ngày 15-10-2018 của Hội đồng định giá huyện Cát Hải kết luận: 470m dây cáp điện lõi đồng, ký hiệu YC 3 x 35 + 2 x 16 bọc vỏ cách điện cấp 450/750V chưa qua sử dụng có giá: 313.242.310 đồng, các loại thuế: 83.009.221 đồng, chi phí thông quan nhập

khẩu, vận chuyển về Cát Hải: 15.000.000 đồng, tổng giá trị: 411.252.000 đồng (đã làm tròn số). Như vậy, 01m dây cáp điện lõi đồng, ký hiệu YC 3 x 35 + 2 x 16 bọc vỏ cách điện cấp 450/750V chưa qua sử dụng có giá: 875.000 đồng.

Về vật chứng: Ngày 12-10-2018, Công an huyện Cát Hải đã tạm giữ 01 xe môtô Wave BKS 16K3-0830 của Trần Văn C. Ngày 13-10-2018, Công an huyện Cát Hải thu giữ 15 đoạn dây cáp điện 70m nặng 160kg và 01 xe kéo 3 bánh tự chế. Đối với 400m dây cáp điện do Phạm Thị L mang về K, Hải Phòng bán cho người không quen biết và không triệu tập được Trịnh Thành L nên không biết L bán dây cáp ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Đối với chiếc kìm D cùng đồng phạm dùng để cắt dây cáp điện, sau khi cắt dây cáp điện ngày 08-10-2018 D để lại bãi tập kết nguyên vật liệu của công trường, Công an huyện Cát Hải đã truy tìm nH không có kết quả.

Đối với số tiền được chia sau khi trộm cắp, các bị cáo D, H, C, H đã ăn tiêu hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Từ những hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 14-3-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn H, Chu Văn H và Trần Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tô Thị H bị truy tố về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố và tranh luận hành vi phạm tội của từng bị cáo, phân tích nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 173; Điều 33; Điều 17; Điều 58; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 8 năm 6 tháng tù đến 9 năm 6 tháng tù; Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; Điều 33; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Văn C, Chu Văn H từ 30 đến 36 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 33; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 27 đến 33 tháng tù ; Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 323; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Tô Thị H 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty TNHH M yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản trộm cắp là: 411.252.000 đồng. Các bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường đối với bị hại nên các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại

theo giá trị tài sản bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, BKS 16K3-0830 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Vĩ do Trần Văn C mua lại; đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 15 đoạn dây cáp điện lõi đồng có ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V, có trọng lượng 160kg và 01 xe kéo tự chế 03 bánh, tH xe có kích thước dài 1,65m, rộng 1m, cao 0,6m.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đồng thời thừa nhận luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt là đúng. Các bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, các bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về chứng cứ:

[3] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với cáo trạng, với lời khai của bị hại, kết luận định giá và phù hợp với những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản là dây cáp điện loại cáp đồng của Công ty TNHH M. Tuy nhiên, trong vụ án này có đồng phạm, mặc dù là đồng phạm giản đơn nH cần phân tích hành vi, vai trò của từng bị cáo để từ đó Hội đồng xét xử quyết định hình phạt một cách khách quan, toàn diện, đảm bảo các quy định của pháp luật.

[4] Đối với bị cáo D: Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Trong các ngày 05-10-2018, 06-10-2018, 08-10-2018, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là dây cáp điện của Công ty TNHH M tại bãi tập kết nguyên vật liệu để thực hiện

dự án cáp treo Cát Hải – Phù Long nhiều lần. Lần thứ nhất: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Văn H với tài sản trộm cắp là 70m dây cáp loại đồng ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V, có giá trị là 61.250.000 đồng; Lần thứ hai bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp cùng C và H với tài sản trộm cắp là 100m dây cáp loại đồng ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V, có giá trị là 87.500.000 đồng; Lần thứ ba: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp một mình với tài sản trộm cắp là 300m dây cáp loại cáp đồng ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V, giá trị tài sản là 262.500.000 đồng. Như vậy, tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị 411.252.000 đồng. Từ đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội quy định tại khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hinh sự.

Bị cáo là người chủ mưu, thực hành một cách tích cực nhất và bị cáo cũng là người được hưởng lợi nhiều nhất từ việc trộm cắp tài sản. Vì vậy khi quyết định hình phạt, bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án so với các bị cáo khác mới đảm bảo tính nghiêm minh, khách quan của vụ án.

[5] Đối với bị cáo C và bị cáo H: Ngày 06-10-2018, các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp cùng bị cáo D, tài sản trộm cắp là 100m dây cáp loại cáp đồng có ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V. Trong vụ án bị cáo C là người đóng vai trò thực hành tích cực cùng bị cáo D, bị cáo H đóng vai trò giúp sức. Các bị cáo C và H đều được hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 87.500.000 đồng nên đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cần quyết định mức hình phạt bằng nhau đối với hai bị cáo.

[6] Đối với bị cáo H: Ngày 05-10-2018, bị cáo cùng bị cáo D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 70m dây cáp loại cáp đồng ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V. Trong vụ án, bị cáo đóng vai trò là người thực hành, cùng thực hiện việc trộm cắp tài sản, chở tài sản đi tiêu thụ và cùng được hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp. Do giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 61.250.000 đồng nên đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, áp dụng hình phạt thấp hơn bị các bị cáo khác để đảm bảo tính khách quan của vụ án.

[7] Bị cáo H: Mặc dù bị cáo biết tài sản mà các bị cáo D, C, H, H bán cho bị cáo là tài sản trộm cắp nH vì hám lời nên bị cáo vẫn mua. Bị cáo đã thực hiện hành vi mua tài sản do các bị cáo khác trộm cắp hai lần vào các ngày 05 và 06-10-2018, tổng tài sản bị cáo tiêu thụ có giá trị 148.750.000 đồng, đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội quy định tại khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự

[8] Hành vi của các bị cáo vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị của địa phương, gây hoang mang trong dư luận. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp,

hành vi đó gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ và trật tự an toàn xã hội.

[9] Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo C, H và H không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo D và bị cáo H chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[11] Đối với các bị cáo D, H, C, H: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo D ngay sau khi tội phạm xảy ra đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để mở rộng điều tra vụ án, vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51. Đối với bị cáo C, H mặc dù có quyết định truy nã của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải nH ngay sau đó các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tài sản trộm cắp của các bị cáo có giá trị lớn, để đảm bảo an ninh trật tự địa phương cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[12] Đối với bị cáo H: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện đầu thú ngay khi sự việc bị Công an huyện Cát Hải phát hiện và giao nộp 15 đoạn dây cáp điện lõi đồng, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án. Do bị cáo nhận thức không đầy đủ về hành vi vi phạm pháp luật của mình, về việc mua bán dây cáp điện lõi đồng bị trộm cắp như mua các loại phế liệu trong sinh hoạt hàng ngày. Bị cáo H hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng mất sớm, một mình là lao động chính D nhất trong gia đình có 3 người con mọi gánh nặng vật chất, tinh thần đều một mình bị cáo gánh vác. Bị cáo có bố đẻ, bố chồng là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được Hội phụ nữ xã Đồng Bài, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng nhận trách nhiệm giám sát, giáo dục để bị cáo H trở thành công dân tốt. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội nH không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần giám sát, giáo dục bị cáo tại địa phương là có tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty TNHH M yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản trộm cắp là: 411.252.000 đồng. Các bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường đối với bị hại nên các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại theo giá trị tài sản bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp.

[14] Đánh giá về những vấn đề khác:

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, BKS 16K3-0830 có đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Vĩ do Trần Văn C mua lại, đây là phương tiện phạm tội nên căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 15 đoạn dây cáp điện ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V đã bị cắt rời; 01 xe ba bánh tự chế của bị cáo Tô Thị H đều là vật không còn giá trị sử dụng căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự người bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, mức chịu án phí căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18-10-2018.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02-11-2018.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn H 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10-01-2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18-10-2018.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tô Thị H 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tô Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 411.252.000 đồng; cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường tổng số tiền là 322.293.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường số tiền là: 30.625.000 đồng; bị cáo Trần Văn C và Chu Văn H mỗi bị cáo phải bồi thường 29.168.000 đồng (đã làm tròn số).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản bồi thường nói trên, nếu các bị cáo không thực hiện việc bồi thường thì hàng tháng các bị cáo phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Wave, BKS 16K3-0830 có số khung HCO8012Y-454566, số máy: HCO8E07454587 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn V; tịch thu tiêu hủy 15 đoạn dây cáp điện ký hiệu YC (3x35 + 2x16) 450/750V; 01 xe ba bánh tự chế của bị cáo Tô Thị H

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 16.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 1.531.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Trần Văn C và Chu Văn H mỗi bị cáo phải nộp 1.458.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- PV 27 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Công an huyện Cát Hải;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Cát Hải;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã Đồng Bài;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh